CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội

Ngày 31/03/2024	26,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.5%	**13.0%**	**17.2%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,613 - 26,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	194
Số lượng CPLH (CP)	7,326,861
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.02)
EPS	4,005
P/E	6.6

DT thuần
Q1/24
293
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.0| -6.8%
YoY: ▼13.0| -4.4%

LN thuần
Q1/24
6.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.34| -38.8%
YoY: ▼1.46| -17.6%

LN sau thuế
Q1/24
5.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.3| -64.9%
YoY: ▼1.21| -17.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
2.4%
YoY: +/-▼ 3.9%

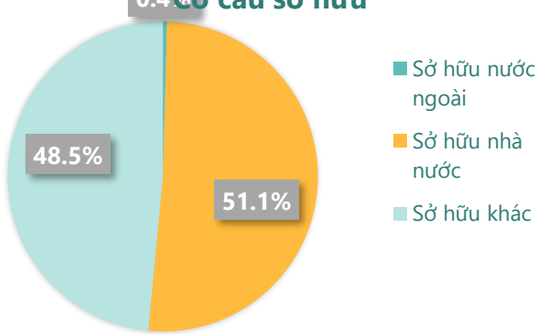
ROE (TTM)
Q1/24
19.3%
YoY: +/-▼ 1.7%

DT thuần
2023
1,201
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00| 0.3%

LN thuần
2023
31.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.60| -1.8%

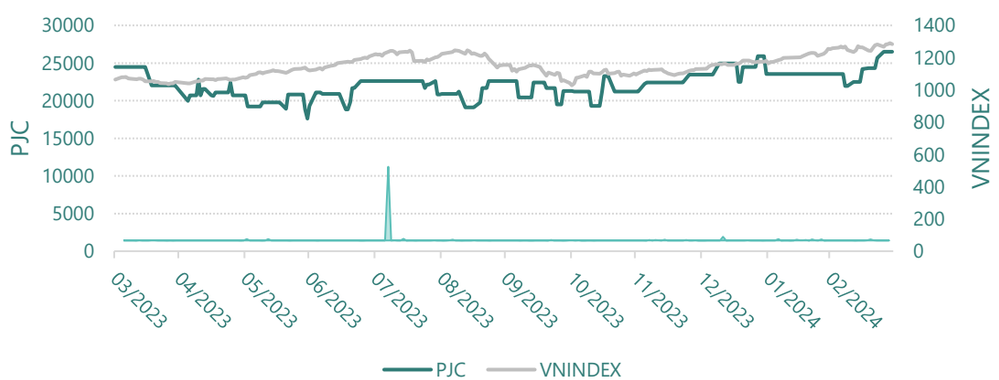
LN sau thuế
2023
31.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.90| 28.0%

Cơ cấu sở hữu

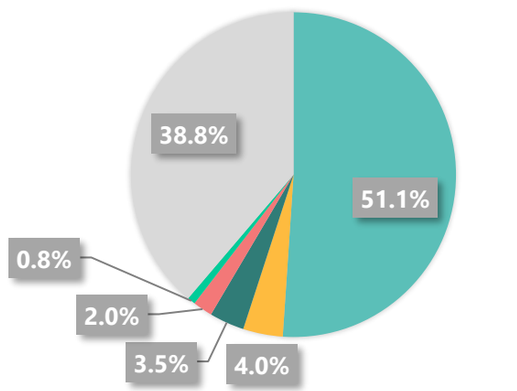


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



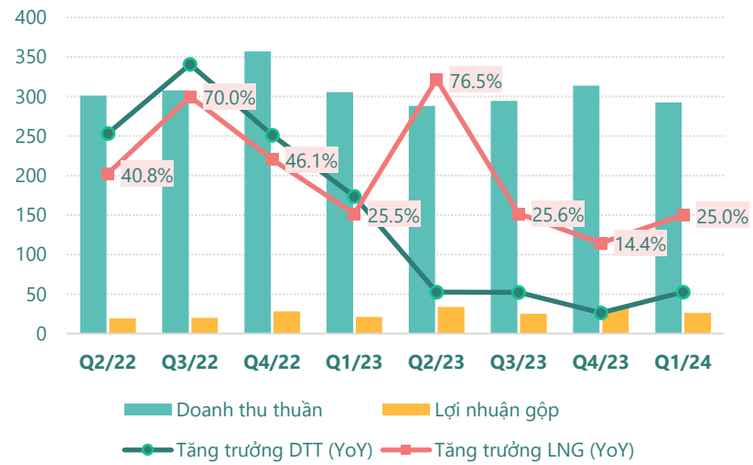
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

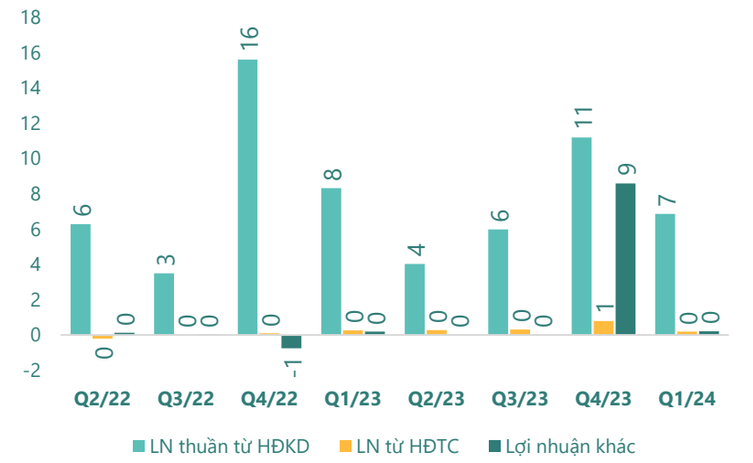
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



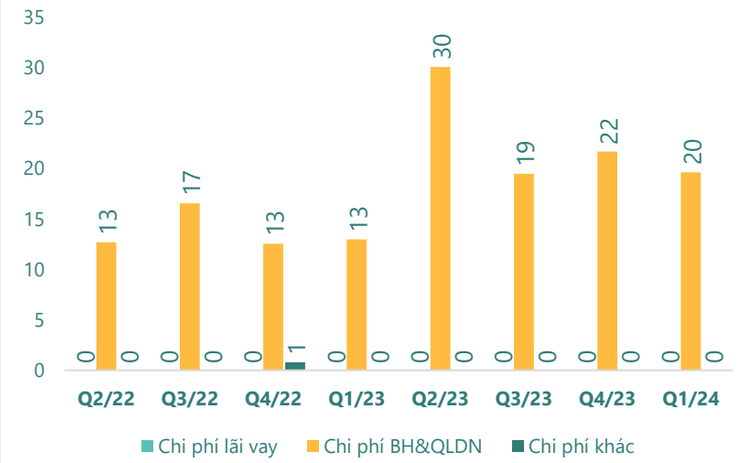
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



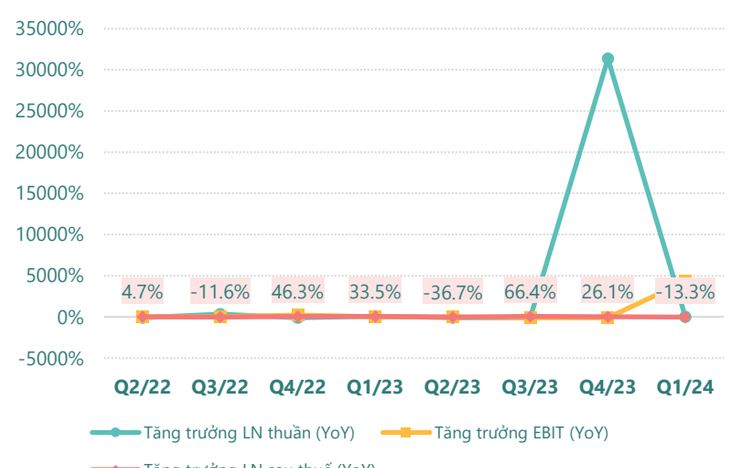
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



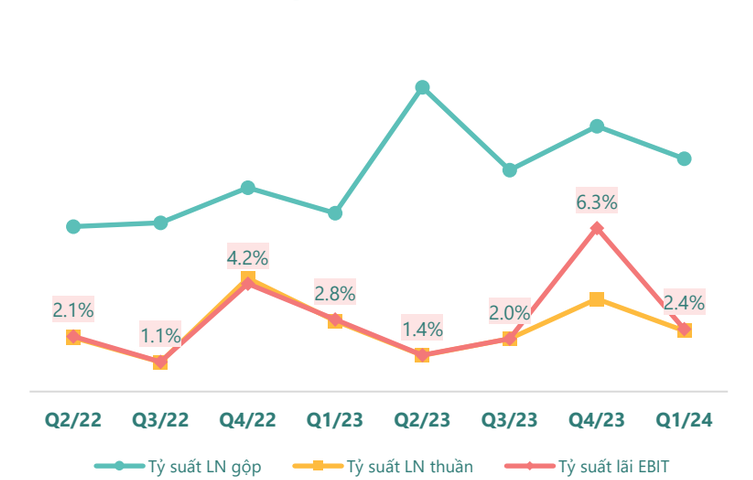
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



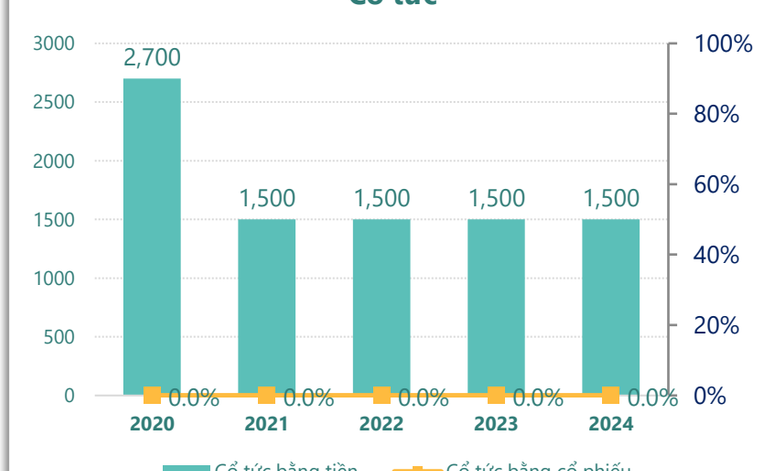
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

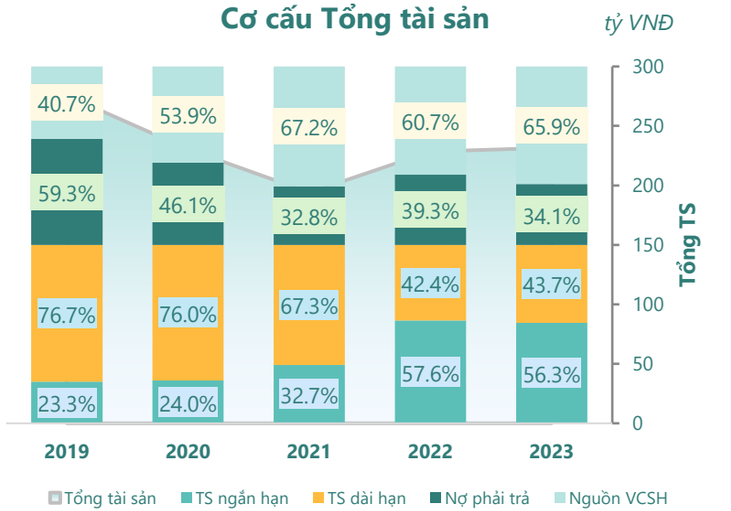
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

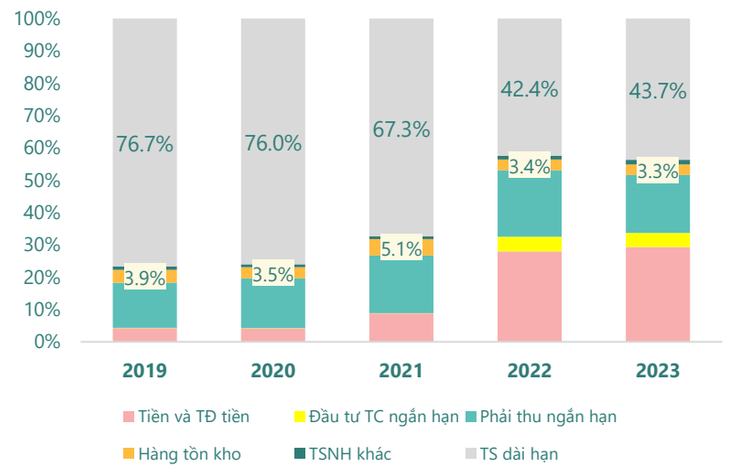
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



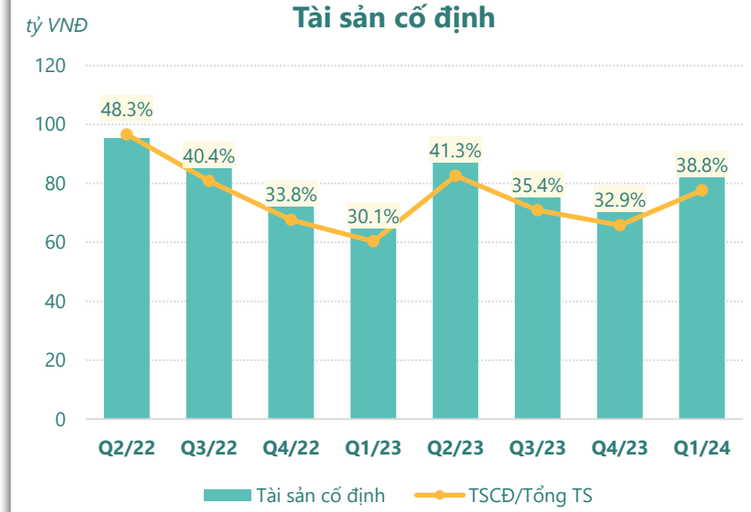
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



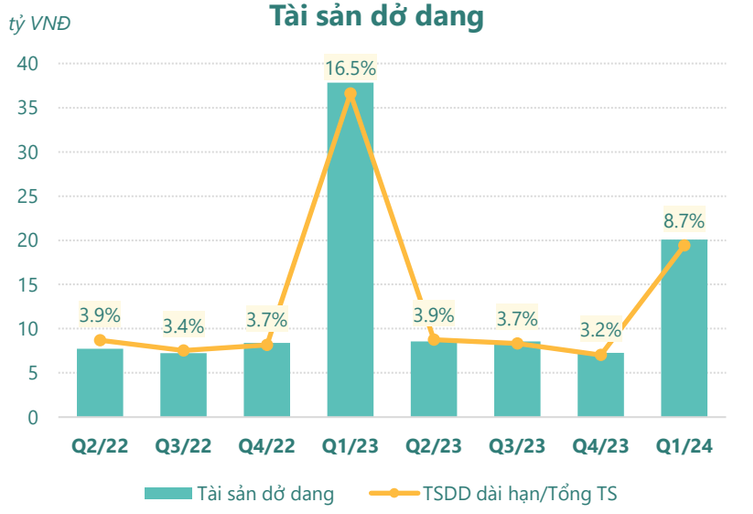
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



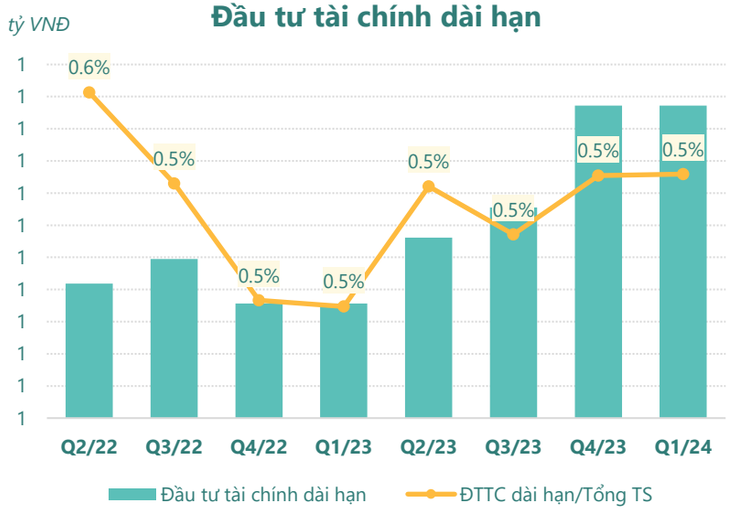
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



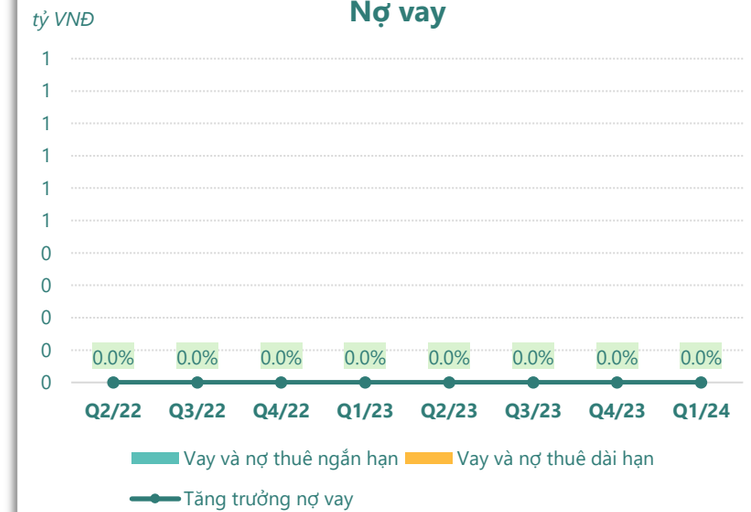
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

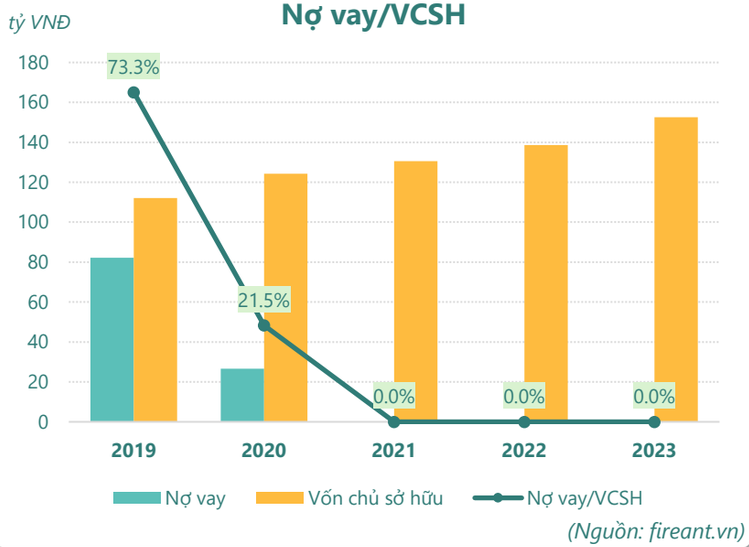
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

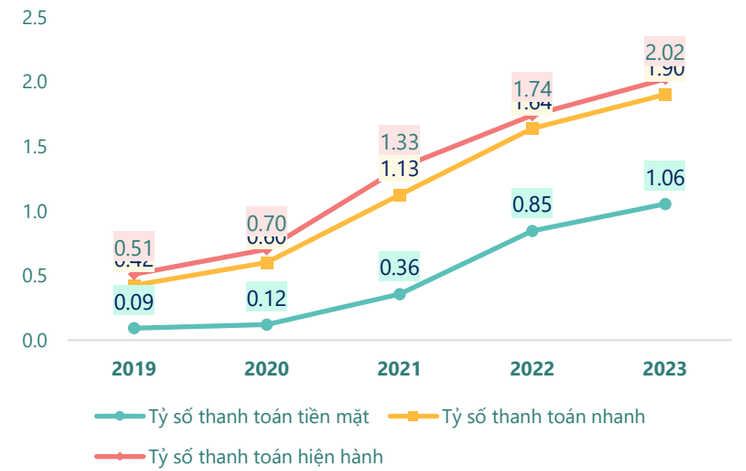
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



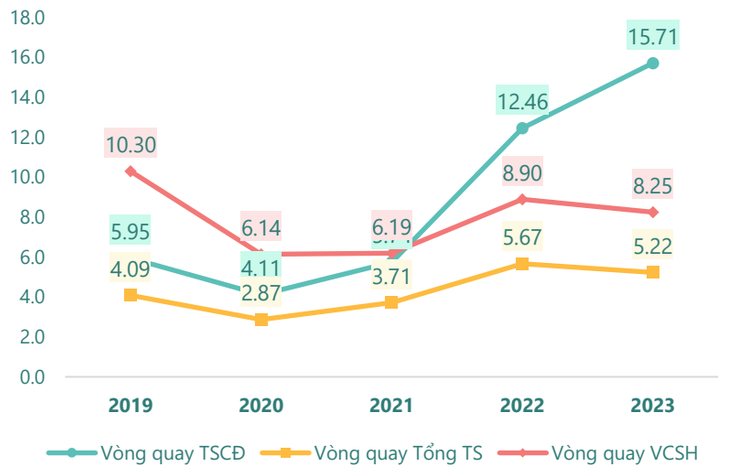
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



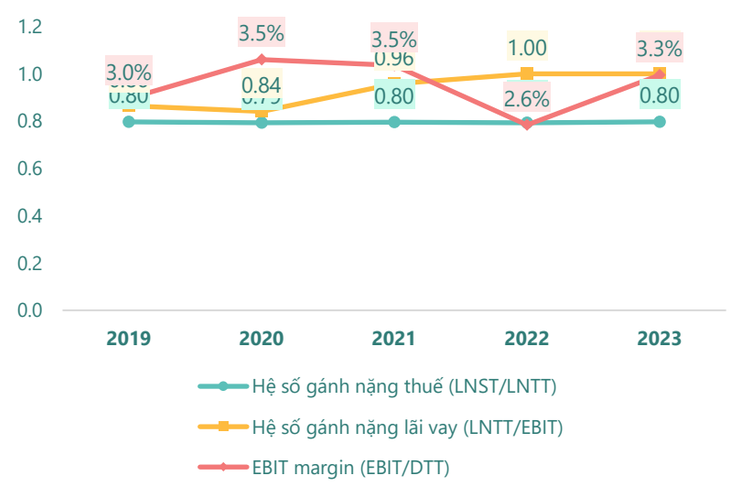
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



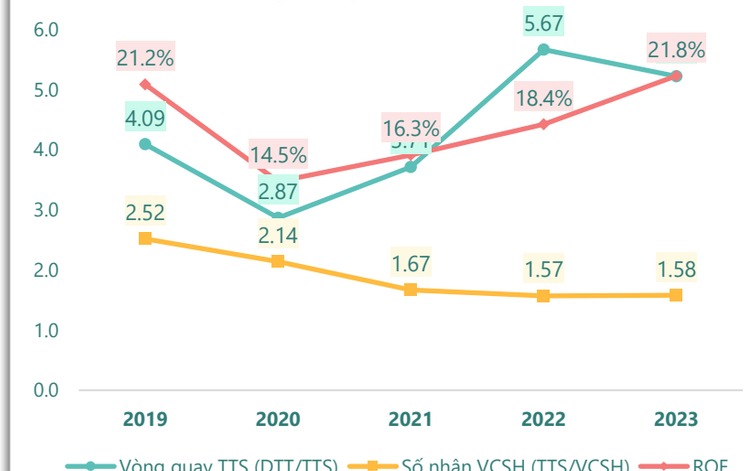
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



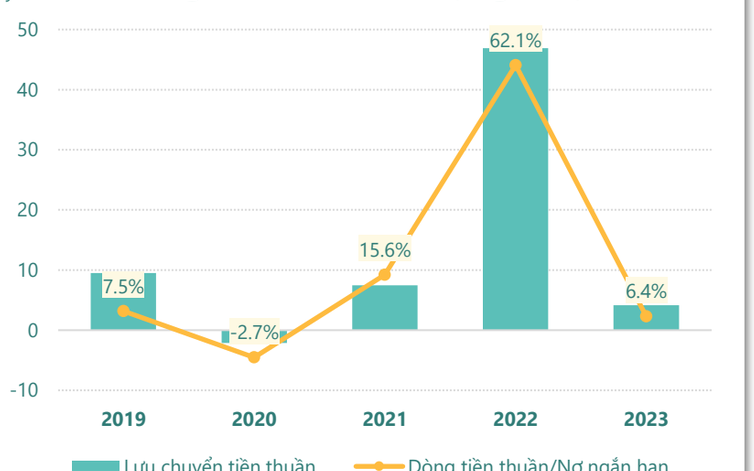
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**293**	**306**	**-4.4%**	**1,201**	**1,197**	**0.3%**
Giá vốn hàng bán	266	285	-6.5%	1,089	1,113	-2.2%
Lợi nhuận gộp	26.3	21.0	25.2%	112	84.1	33.3%
Doanh thu HĐTC	0.33	0.57	-41.5%	2.27	0.79	185%
Chi phí TC	0.15	0.31	-52.9%	0.63	1.08	-41.4%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.13	5.84	5.0%	27.8	24.4	13.8%
Chi phí QLDN	**13.5**	**7.14**	**89.1%**	**54.9**	**27.8**	**97.7%**
LN thuần từ HĐKD	6.86	8.32	-17.6%	31.0	31.6	-1.8%
Lợi nhuận khác	**0.21**	**0.19**	**8.0%**	**8.78**	**-0.31**	**2963%**
LN trước thuế	7.06	8.51	-17.0%	39.8	31.3	27.3%
Lợi nhuận sau thuế	**5.54**	**6.75**	**-17.9%**	**31.7**	**24.8**	**28.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.54**	**6.75**	**-17.9%**	**31.7**	**24.8**	**28.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.1	4.57	24.1	21.7	-5.42	-6.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.68	-39.4	10.8	-40.6	-1.68	-26.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.04	-4.38	-6.29	-0.14	-0.19	-4.69
Tiền đầu kỳ	53.5	63.9	24.7	53.3	34.3	68.1
Lưu chuyển tiền thuần	**20.4**	**-39.2**	**28.6**	**-19.0**	**-7.30**	**-37.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	73.9	24.7	53.3	34.3	27.0	30.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**230**	**232**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	103	130	-21.0%
Tiền và tương đương tiền	30.4	68.1	-55.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	46.8	41.4	13.2%
Hàng tồn kho	9.61	7.73	24.3%
Tài sản ngắn hạn khác	6.21	3.25	91.2%
Tài sản dài hạn	**127**	**101**	**25.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	89.2	75.7	17.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	20.1	7.28	176%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.23	1.23	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**16.4**	**17.1**	**-3.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	71.9	79.1	-9.1%
Nợ ngắn hạn	**58.0**	**64.5**	**-10.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	22.7	15.0	51.6%
Nợ dài hạn	13.9	14.6	-4.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**158**	**153**	**3.6%**
Vốn chủ sở hữu	**158**	**153**	**3.6%**
Vốn điều lệ	73.3	73.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)